

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

I. Thông tin chung

Tên học phần: **Trải nghiệm ngành nghề Luật**

Mã học phần: LAW302

Số Tín chỉ: 02

Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Luật

Đơn vị phụ trách: Khoa Kế toán – Tài chính

II. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Kiến thức:

- + Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục pháp luật thực hành;
- + Nắm vững lý thuyết, cách thức tư vấn pháp luật;
- + Nắm được những kiến thức cơ bản khi nghiên cứu hồ sơ pháp lý, chỉ ra vấn đề pháp lý và xác định luật điều chỉnh khi nghiên cứu hồ sơ;
- + Nắm vững quy trình giao tiếp, khai thác, thu thập xử lý thông tin và tư vấn cho cáctình huống thực tế, cụ thể
- + Nhận thức được mục đích, ý nghĩa và cách thức thiết lập quan hệ cộng đồng;
- + Nhận thức đầy đủ vấn đề chung về đạo đức nghề luật và đạo đức nghề luật trong lĩnh vực cụ thể: Luật sư, thẩm phán.

Kỹ năng:

- + Hoàn thiện các kỹ năng cơ bản: giao tiếp, thuyết trình, tranh luận, phóng vấn, tư vấn,... để thực hiện các công việc của nghề luật như: Luật sư, Tư vấn viên, Tuyên truyền viên, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên...
- + Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy sáng tạo, độc lập trong việc tiếp thu, nghiên cứu những vấn đề có tính lý luận và thực tiễn.
- + Thực hành kỹ năng tư vấn pháp luật trên các tình huống giả định cụ thể.
- + Rèn luyện kỹ năng phân tích, lập luận khi nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng tư duy phản biện và ra quyết định sau khi nghiên cứu hồ sơ.
- + Rèn luyện kỹ năng xử lý các tình huống phù hợp với đạo đức nghề luật.

Thái độ:

- + Rèn luyện cho sinh viên thái độ nghiêm túc, chuyên cần học tập, và nhận thức được tầm quan trọng của các kỹ năng nghề nghiệp ngành luật.
- + Có thái độ tích cực với cuộc sống, cộng đồng thông qua việc học tập học phần này.
- + Có thái độ đúng đắn với nghề luật trong xã hội.

Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần:

- Giúp sinh viên hình dung rõ chương trình giáo dục thực hành luật, mục đích của chương trình và các mô hình thực hành luật ở Việt Nam và thế giới.
- Giúp sinh viên nắm được quy trình, cách thức và một số kỹ năng khi tư vấn pháp luật. Bước đầu thực hành tư vấn pháp luật với các nội dung giả định cụ thể.
- Giúp sinh viên hiểu rõ mục đích, cách thức nghiên cứu hồ sơ pháp lý. Rèn luyện kỹ năng lập luận, tư duy phản biện và ra quyết định sau khi nghiên cứu hồ sơ.
- Giúp sinh viên nắm được ý nghĩa của việc lắng nghe chủ động, thực hành kỹ năng nghe và áp dụng kỹ năng lắng nghe chủ động trong quá trình học tập các học phần khác, trong công việc và cuộc sống.
- Giúp sinh viên nắm được ý nghĩa của việc thiết lập quan hệ cộng đồng, cách thức để thiết lập quan hệ cộng đồng và thực hành kỹ năng giao tiếp, thuyết phục khi tiếp xúc với người đứng đầu cộng đồng.
- Giúp sinh viên nắm vững những nguyên tắc chung và ý nghĩa của đạo đức nghề luật. Nhận thức đầy đủ về mối quan hệ xung đột giữa đạo đức nghề luật và lợi ích khi hành nghề luật. Từ đó, xây dựng và thiết lập cho sinh viên những đạo đức nghề luật cơ bản nhất trong một số lĩnh vực cụ thể như luật sư, thẩm phán.

III. Nội dung**1. Tóm tắt nội dung học phần**

Chương 1: Tổng quan về giáo dục thực hành Luật

Chương 2: Kỹ năng tư vấn pháp Luật

Chương 3: Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ

Chương 4: Lắng nghe và chủ động

Chương 5: Thiết lập quan hệ cộng đồng

Chương 6: Đạo đức nghề Luật

2. Nội dung chi tiết học phần**Chương 1: Tổng quan về giáo dục thực hành luật**

- 1.1. Khái niệm và mục đích của giáo dục thực hành luật
- 1.2. Các mô hình giáo dục thực hành luật ở VN và trên thế giới

Chương 2: Kỹ năng tư vấn pháp luật

2.1. Những vấn đề chung về tư vấn pháp luật

2.1.1. *Khái niệm và đặc điểm của tư vấn pháp luật*

2.1.2. *Các nguyên tắc cơ bản của tư vấn pháp luật*

2.2. Các hình thức tư vấn pháp luật

2.2.1. *Tư vấn trực tiếp bằng lời nói*

2.2.2. *Tư vấn bằng văn bản*

2.3. Một số kỹ năng cơ bản về tư vấn pháp luật

2.3.1. *Kỹ năng tiếp xúc khách hàng, phỏng vấn tìm hiểu nhu cầu*

2.3.2. *Xác định vấn đề pháp lý và luật áp dụng*

2.3.3. *Trả lời yêu cầu của khách hàng*

Chương 3: Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ

3.1. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ pháp lý

3.1.1. *Mục đích của nghiên cứu hồ sơ*

3.1.2. *Cách thức nghiên cứu hồ sơ*

3.1.3. *Tóm tắt và lập luận phản biện nội dung trong hồ sơ*

3.2. Kỹ năng ra quyết định và phản biện sau khi nghiên cứu hồ sơ

3.2.1. *Kỹ năng ra quyết định*

3.2.2. *Kỹ năng phản biện*

Chương 4: Lắng nghe và chủ động

4.1. Kỹ năng nghe

4.2. Thực hành kỹ năng lắng nghe

4.3. Phản hồi kết quả thực hành kỹ năng lắng nghe

4.4. Đánh giá

Chương 5: Thiết lập quan hệ cộng đồng

5.1. Những vấn đề chung về thiết lập quan hệ cộng đồng

5.2. Đánh giá nhu cầu cộng đồng

5.3. Kỹ năng thiết lập quan hệ cộng đồng

Chương 6: Đạo đức nghề luật

6.1. Khái quát về nghề luật và đạo đức nghề luật

6.1.1. *Khái niệm nghề luật*

6.1.2. *Vị trí của nghề luật trong xã hội*

6.1.3. *Khái niệm, nguồn gốc và bản chất của đạo đức*

6.1.4. Đạo đức nghề nghiệp

6.2. Đạo đức Luật sư

6.2.1. Khái quát chung về luật sư

6.2.2. Trách nhiệm cụ thể của luật sư

6.2.3. Một số vấn đề về đạo đức luật sư trong bối cảnh khoa học kỹ thuật phát triển và toàn cầu hoá

6.2.4. Mối quan hệ xung đột giữa đạo đức nghề nghiệp và lợi ích của luật sư

6.2.5. Xử lý vi phạm nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của luật sư

6.2.6. Bộ quy tắc mẫu về đạo đức nghề nghiệp của Hiệp hội luật sư Hoa kỳ (ABA Model Rules of Professional Conduct)

6.3. Đạo đức của thẩm phán

6.3.1. Khái quát chung về thẩm phán

6.3.2. Trách nhiệm cụ thể của thẩm phán

6.3.3. Mối quan hệ xung đột giữa đạo đức nghề nghiệp và lợi ích của thẩm phán

6.3.4. Xử lý vi phạm nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của thẩm phán

6.3.5. Bộ quy tắc mẫu về đạo đức tư pháp của Hiệp hội luật sư Hoa kỳ năm 1972 – sửa đổi năm 2007 (ABA Model Code of Judicial Conduct)

IV. Học liệu

Học liệu bắt buộc:

[1] Giáo trình Thực hành nghề nghiệp – Đại học Luật Đại học Huế - Nhà xuất bản Đại học Huế - 2015

[2] Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật, Nhà xuất bản Công an nhân dân – 2012

Tài liệu tham khảo:

[3] Cẩm nang CLE, Khóa học mùa hè tại Khoa Luật – Đại học Cần Thơ – 2012

[4] Tổ chức quản lý phòng Thực hành pháp luật – Kinh nghiệm hoạt động thực hiện ở nước Nga – Hội Luật gia Việt nam – Nhà Xuất bản Hồng Đức - 2013

[5] Kỹ năng tư vấn pháp luật - Đại học Luật Đại học Huế - Nhà xuất bản Đại học Huế - 2015.

[6] Lê Duy Ninh “Logic – Phi logic trong đời thường và trong pháp luật” Tài liệu lý luận hành nội bộ - TP Hồ Chí Minh (2016).

[7] Nguyễn Ngọc Bích “Tý duy pháp lý của Luật sỹ” NXB Trẻ (2017).

[8] Lê Thị Hồng Vân (Chủ biên) “Giáo trình kỹ năng nghiên cứu và lập luận” – NXB Hồng Đức (2013).

[9] Bộ quy tắc mẫu về đạo đức nghề nghiệp của Hiệp hội luật sư Hoa kỳ (ABA

Model Rules of Professional Conduct).

[10] Bộ quy tắc mẫu về đạo đức tư pháp của Hiệp hội luật sư Hoa kỳ năm 1972 – sửa đổi năm 2007 (ABA Model Code of Judicial Conduct).

[11] Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định 68/QĐ-HĐLSTQ ngày 20/7/2011 của Hội đồng Luật sư toàn quốc.

V. Hình thức tổ chức dạy - học

- Các giờ lý thuyết được tổ chức nghe giảng trên lớp.
- Các giờ thảo luận được tổ chức theo nhóm để trao đổi sau đó tổ chức thảo luận chung cho cả lớp.
- Các giờ bài tập được giao cho chuẩn bị ở nhà hoặc tự làm trên lớp sau đó sẽ giải quyết bài tập chung cho cả lớp.
- Các giờ tự học được tổ chức ở trên lớp hoặc ở nhà. Giảng viên giao cho sinh viên chủ đề thảo luận hoặc bài tập để sinh viên chuẩn bị ở nhà sau đó thảo luận hoặc giải bài tập ở trên lớp.

Lịch trình dạy – học

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học				SV chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		Giờ lên lớp			Tự học/ tự nghiên cứu		
		LT	BT	TL			
Tuần 1	Chương 1: Tổng quan về giáo dục thực hành luật	2		2	8 Tìm hiểu thực tiễn các hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho cộng đồng tại địa phương: cơ quan nào thực hiện; kinh phí thực hiện; hiệu quả; những bất cập, hành chế.	Đọc tài liệu: Đoàn Đức Lương (chủ biên) 2015, <i>Giáo trình thực hành nghề nghiệp</i> , NXB Đại học Huế, trang 1- 28. Chuẩn bị câu hỏi: Câu 1: Trình bày hiểu biết về giáo dục thực hành luật? Giáo dục thực hành luật bao gồm những hoạt động nào? Nhằm mục đích gì? Câu 2: Trình bày các	

						mô hình giáo dục thực hành luật tại Việt Nam, theo bạn mô hình nào là mang lại lợi ích nhất cho cộng đồng và người học? Vì sao? Câu 3: Trình bày một số mô hình thực hành luật trên thế giới. Câu 4: Trình bày những thuận lợi, khó khăn của chương trình thực hành luật hiện nay. Giải pháp khắc phục những khó khăn.	
Tuần 2	Chương 2: Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	1	1	8 Thực hành kỹ năng tư vấn pháp luật	Đọc tài liệu: - Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2012 - Kỹ năng tư vấn pháp luật, Đại học Luật Đại học Huế, Nhà xuất bản Đại học Huế, 2015	
Tuần 3	Chương 3: Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ	2	1	1	8 Thực hành kỹ năng phân tích hồ sơ pháp lý, tìm ra các vấn đề pháp lý và luật áp dụng	Đọc tài liệu: [6] Lê Duy Ninh “Logic – Phi logic trong đời thường và trong pháp luật” Tài liệu lưu hành nội bộ - TP Hồ Chí Minh (2016) [7] Nguyễn Ngọc Bích “Tư duy pháp	

						lý của Luật sư” NXB Trẻ (2017) [8] Lê Thị Hồng Vân (Chủ biên) “Giáo trình kỹ năng nghiên cứu và lập luận”, NXB Hồng Đức (2013)	
Tuần 5	Chương 5: Thiết lập quan hệ cộng đồng	1	1	2	8	<i>Đọc tài liệu:</i> Đoàn Đức Lương (chủ biên) 2015, <i>Giáo trình thực hành nghề nghiệp, NXB Đại học Huế, trang 87- 99.</i> <i>- Chuẩn bị câu hỏi:</i> Câu 1: Trình bày mục đích của việc thiết lập quan hệ cộng đồng. Câu 2: Vì sao cần phải tiếp xúc với người đứng đầu cộng đồng? Những vấn đề cần lưu ý trong buổi đầu tiên tiếp xúc với người đứng đầu cộng đồng. Câu 3: Trình bày những khó khăn khi tiếp tiếp xúc với người đứng đầu cộng đồng. Câu 4: Trình bày ưu điểm và những hạn chế của các phương thức khảo sát nhu cầu cộng đồng. Phương thức khảo sát nào đang được sử dụng	

						nhiều nhất. Vì sao ?	
Tuần 6	Chương 6: Đạo đức nghề luật	2	1	1	8	- Đọc tài liệu: [9] Bộ quy tắc mẫu về đạo đức nghề nghiệp của Hiệp hội luật sư Hoa kỳ (ABA Model Rules of Professional Conduct). [10] Bộ quy tắc mẫu về đạo đức tư pháp của Hiệp hội luật sư Hoa kỳ năm 1972 – sửa đổi năm 2007 (ABA Model Code of Judicial Conduct). [11] Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định 68/QĐ-HĐLSTQ ngày 20/7/2011 của Hội đồng Luật sư toàn quốc.	
Tuần 7	Kiểm tra		2				

VI. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu của giảng viên:

- Yêu cầu sinh viên phải tham gia lên lớp chuyên cần, giao trách nhiệm cho lớp trưởng điểm danh mỗi buổi học
- Sinh viên phải đọc trước tài liệu mỗi phần học, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sẽ có 02 bài kiểm tra (thời gian làm bài 30 phút) không báo trước để lấy điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên.

VII. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

Hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra, đánh giá, bao gồm các phần sau:

- Điểm đánh giá quá trình học tập: **40%** số điểm, trong đó:

TT	Nội dung	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm chuyên cần	- Tham gia 30/30 tiết = 10 điểm - Tham gia 26/30 tiết = 8 điểm - Tham gia 22/30 tiết = 6 điểm - Vắng từ 9 tiết = 0 điểm	10%	
2	Thái độ học tập, tích cực thảo luận	- Tích cực phát biểu: 1 lần = 2 điểm (không quá 6 điểm) - Ý kiến phát biểu đúng, hợp lý: 1 lần = 2 điểm (không quá 4 điểm)	10%	
3	Bài kiểm tra, bài tập nhóm, thuyết trình	- Làm bài kiểm tra trên lớp: 10% (1 TC/ bài kiểm tra 60') - làm bài tập ở nhà; tham gia làm bài tập nhóm, thuyết trình: 10%.	20%	

- Thi cuối kỳ: **60%** số điểm.

Hình thức thi: Tiểu luận.

Lịch trình kiểm tra định kỳ, thi cuối kỳ:

- Bài tiểu luận: sau khi kết thúc hai lần trải nghiệm, sinh viên sẽ viết tiểu luận trong thời gian một tuần.
- Nộp tiểu luận: theo lịch bố trí của Nhà trường.

TP.Hồ Chí Minh , ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA
KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH

Giảng viên biên soạn